

Bản án số: **296/2020/HSST**
Ngày: 20/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tạ Thị Thu Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Hảo Hoàn.**

Bà Vũ Mỹ Thuần.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Đinh Nho Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 299/2020/HSST ngày 28/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Huyền T - sinh năm: 2001 tại Phú Thọ; ĐKHKTT: xóm C, khu B, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Đỗ Thị A; Danh chỉ bản số 477 do Công an quận Cầu Giấy lập ngày 29/08/2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ ngày 07/08/2020; Thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 10/08/2020; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại: Chị Đỗ Thị P – sinh năm: 2001.** (Vắng mặt tại phiên tòa).

ĐKHKTT: khu A, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở: số A, phố T, phường M, quận C, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đỗ Thị A - sinh năm: 1979. (Có mặt tại phiên tòa).

ĐKHKTT và chỗ ở: khu B, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Đỗ Văn N - sinh năm: 1997. (Vắng mặt tại phiên tòa).

ĐKHKTT và chỗ ở: khu B, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị Trương Thị S - sinh năm: 1984. (Vắng mặt tại phiên tòa).

ĐKHKT và chỗ ở: phòng A, nhà B, tập thể Đ, phường M, quận C, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Huyền T đang thuê trọ tại phòng B, số A, phố T, phường M, quận C, Hà Nội cùng chị Đỗ Thị P (sinh năm: 2001, HKTT: xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ) và chị Nguyễn Ngọc A (sinh năm: 2001, HKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định). Khoảng 20 giờ ngày 05/08/2020, khi ở trong phòng trọ có cả ba người, chị Ngọc A đưa cho chị P 2.000.000 đồng để đóng tiền thuê nhà, chị P cầm tiền cất vào ví giả da màu đen để vào trong ba lô đặt trên cây đàn sắt tủ quần áo. Sau đó, có chị Phạm Hồng Hoài N (sinh năm: 2001, HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) là bạn T và chị P đến phòng chơi, ngủ lại. Đến khoảng 05 giờ ngày 06/08/2020, T dậy đi vệ sinh thấy mọi người trong phòng đang ngủ, T nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trong ba lô của chị P. T lại gần ba lô của chị P và dùng tay phải lấy đi chiếc ví giả da kẻ ca rô màu đen. Sau đó, T đi vào trong nhà vệ sinh mở ví lấy toàn bộ số tiền 8.500.000 đồng bên trong rồi cất tiền vào túi quần T đang mặc, còn chiếc ví T bỏ lại trong bồn nước của bồn cầu rồi đi ra giường nằm ngủ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, chị P phát hiện mất trộm chiếc ví nên gọi mọi người dậy và cùng đi tìm. Chị N đi vào nhà vệ sinh tìm và phát hiện chiếc ví ở vị trí nêu trên. Chị P kiểm tra ví thấy bị mất số tiền 8.500.000 đồng, chị P hỏi mọi người xem có ai lấy không nhưng không ai nhận. Lúc này, T rủ chị N đi ra ngoài mua bánh mì về để ăn sáng. Khi ra ngoài, T nói dối bị đau chân, phải mua thuốc và bảo chị N đi trước, còn T đi tìm chỗ để chuyển số tiền trộm cắp vào tài khoản ngân hàng của mình. T đi bộ đến cửa hàng sửa chữa điện thoại ở số A, nhà B, tập thể Đ, phường M, quận C, Hà Nội gặp chị Trương Thị S (sinh năm: 1984, HKTT: phường M, quận C, Hà Nội) là chủ nhà, T nhờ chị S chuyển giúp số tiền 8.000.000 đồng vào số tài khoản 188322506 Ngân hàng V của T. Chị S đồng ý chuyển và lấy phí 70.000 đồng. Sau đó, T đưa cho chị S 8.500.000 đồng tiền mặt và được chị S trả lại 430.000 đồng rồi T đi về phòng trọ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T chuyển khoản cho anh họ là Đỗ Văn N (sinh năm: 1997, HKTT: xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ) số tiền 1.000.000 đồng để anh N đưa cho mẹ T là chị Đỗ Thị A (sinh năm: 1979, HKTT: xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ) nhờ mua hộ đồ ăn ở quê gửi xuống cho T. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/08/2020, chị P ra Công an phường M trình báo, đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T ra đầu thú tại Công an phường M.

Kết luận định giá tài sản số 366 ngày 03/09/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Cầu Giấy xác định: 01 ví giả da màu đen kẻ ca rô có khóa kéo ngang không còn giá trị. Tài sản mà T trộm cắp trị giá 8.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung đã nêu trên. Lời khai nhận của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được số tiền 8.500.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc ví giả da màu đen kẻ ca rô là vật chứng của vụ án. Ngày 09/10/2020, cơ quan điều tra đã trao trả số tài sản nêu trên cho chủ sở hữu là chị Đỗ Thị P.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ của Nguyễn Thị Huyền T 01 điện Meizu M3 Note, màu trắng bạc IMEI 1 860923038577260, IMEI 2 8609230377278, quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của T, không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

Đối với Đỗ Thị A, Đỗ Văn N và Trương Thị S đều không biết nguồn gốc số tiền T gửi là tiền do Nguyễn Thị Huyền T phạm tội mà có và đều tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra nên không xem xét xử lý.

Tại bản cáo trạng số 300/CT-VKSCG ngày 26/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố Nguyễn Thị Huyền T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Thị Huyền T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Nguyễn Thị Huyền T tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Miễn phạt tiền. Về dân sự: bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, có tội và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với những lời khai mà bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ

khác đã thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 05 giờ ngày 06/08/2020, tại phòng B, số A, phố T, phường M, quận C, Hà Nội, Nguyễn Thị Huyền T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị P số tiền 8.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin và sự chủ quan của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu học hành tu dưỡng bản thân, mà tham lam, muốn hưởng lời bất chính nên đã đi vào con đường phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại coi như chưa gây thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo hiện đang bị bệnh, gia đình có ông ngoại và cụ ngoại là người có công với cách mạng để áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Xét bị cáo có thể cải tạo ngoài xã hội nên Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Về dân sự: bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên Tòa không xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Thị Huyền T** phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Điều 136, Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

- **Nguyễn Thị Huyền T 08** (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là **16** (mười sáu) tháng, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về UBND xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Bị cáo, bị hại,
- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Hương